

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ KỸ THUẬT MOBIFONE



MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	13 - 29

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật MobiFone (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật MobiFone trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật và Hạ tầng mạng Thông tin Di động, là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103021688, đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 01 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, được cấp lại mã số doanh nghiệp theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102636299 ngày 25 tháng 08 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp bổ sung 14 lần Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 14 ngày 17 tháng 10 năm 2017 về việc tăng vốn điều lệ từ 61.417.920.000 VND lên 70.629.790.000 VND.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Tầng 3, tòa nhà TTC, số 19 phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại : (024) 3772 6966
- Fax : (024) 3772 6989

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh MobiFone Service Hải Phòng	Tầng 7, tòa nhà điều hành MobiFone, số 87 Phạm Văn Đồng, phường Anh Dũng, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng.
Chi nhánh MobiFone Service Đà Nẵng	Tầng 3 - Lô 6 đường số 1 KCN Đà Nẵng, phường An Hải Bắc, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.
Chi nhánh MobiFone Service Tp Hồ Chí Minh	Tầng 1, tòa nhà Mộc Gia, 1/12 Hoàng Việt, phường 4, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.
Chi nhánh MobiFone Service Hà Nội	Tầng 16 (tháp B) tòa nhà CTM Complex, số 139 Cầu Giấy, phường Quan Hoa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.
Chi nhánh MobiFone Service Cần Thơ	Lầu 2, tòa nhà nhà sách Phương Nam, số 06 Hòa Bình, phường An Cư, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.
Chi nhánh MobiFone Service Đồng Nai	Tầng 1, tòa nhà Mộc Gia, 1/12 Hoàng Việt, phường 4, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.
Chi nhánh Dịch vụ giá trị gia tăng (VAS)	Tầng 7, tòa nhà IC, số 82 phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Dịch vụ giải đáp, chăm sóc khách hàng qua điện thoại;
- Bảo dưỡng thiết bị truyền dẫn mạng viễn thông; Sửa chữa bảo dưỡng hệ thống báo cháy, phòng chữa cháy tự động, các hệ thống cảnh báo, giám sát điều khiển; Bảo dưỡng các thiết bị viễn thông, công nghệ thông tin;
- Dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng; Đo kiểm trong lĩnh vực viễn thông bao gồm: công trình kỹ thuật chuyên ngành viễn thông, dịch vụ viễn thông, sản phẩm viễn thông, công nghệ thông tin, Internet; Dịch vụ tư vấn đo kiểm mạng thông tin di động;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT MOBIFONE
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Tường Duy Phúc	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 04 tháng 02 năm 2020
Ông Vũ Quang Hải	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 25 tháng 06 năm 2018
Ông Phan Tiến Dũng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 06 năm 2018
Ông Nguyễn Thái Hà	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 02 năm 2022
Ông Nguyễn Ngọc Thảo	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 03 năm 2022
Ông Phan Tuấn Anh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 17 tháng 02 năm 2022
Ông Trần Minh Đức	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 03 năm 2022

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Lê Đức Mạnh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 06 năm 2020
Ông Cao Thành Chung	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 25 tháng 06 năm 2018
Ông Nguyễn Văn Chiến	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 06 năm 2018

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Vũ Quang Hải	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 16 tháng 12 năm 2020
Ông Phan Tiến Dũng	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 11 năm 2019
Ông Nguyễn Ngọc Thảo	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 03 tháng 03 năm 2022
Ông Trần Minh Đức	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 03 năm 2022
Ông Nguyễn Anh Tú	Kế toán trưởng	Tái bổ nhiệm ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Vũ Quang Hải - Tổng Giám đốc.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT MOBIFONE
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Tổng Giám đốc



Vũ Quang Hải

Ngày 03 tháng 3 năm 2023

Handwritten signature

Số: 2.0101/23/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT MOBIFONE**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật MobiFone (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 03 tháng 3 năm 2023, từ trang 06 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật MobiFone tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**Chi nhánh Hà Nội****Trần Kim Anh – Thành viên Ban Giám đốc**

Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 1907-2023-008-1

Người được ủy quyền

Hà Nội, ngày 03 tháng 3 năm 2023

Phạm Quốc Huy - Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 4918-2019-008-1



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT MOBIFONE

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà TTC, số 19 phố Duy Tân, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		272.909.403.700	286.671.028.802
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	22.990.170.133	44.136.622.528
1. Tiền	111		22.990.170.133	37.136.622.528
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	7.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		128.284.455.741	105.996.370.395
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	128.284.455.741	105.996.370.395
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		118.330.778.867	132.914.013.630
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	81.975.331.515	120.291.410.626
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		211.453.870	296.545.753
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	36.478.005.092	12.660.068.861
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(334.011.610)	(334.011.610)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		1.897.899.938	1.396.808.203
1. Hàng tồn kho	141	V.5	1.897.899.938	1.396.808.203
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.406.099.021	2.227.214.046
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6a	1.406.099.021	2.227.214.046
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT MOBIFONE

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà TTC, số 19 phố Duy Tân, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		8.273.483.670	6.985.214.808
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3.092.630.539	3.270.462.093
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	3.092.630.539	3.270.462.093
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		4.083.504.700	2.887.721.334
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	4.083.504.700	2.887.721.334
<i>Nguyên giá</i>	222		268.216.910.437	265.933.531.650
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(264.133.405.737)	(263.045.810.316)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		1.019.000.000	1.019.000.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1.019.000.000)	(1.019.000.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.097.348.431	827.031.381
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6b	1.097.348.431	827.031.381
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		281.182.887.370	293.656.243.610

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT MOBIFONE

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà TTC, số 19 phố Duy Tân, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		92.746.741.844	103.232.518.808
I. Nợ ngắn hạn	310		92.746.741.844	103.232.518.808
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9	28.347.232.880	43.983.451.383
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		55.282.000	4.978.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10	4.349.863.267	5.334.226.106
4. Phải trả người lao động	314		31.449.321.970	30.523.916.330
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.11	18.373.272.126	12.735.080.526
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		36.344.868	5.454.545
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12	4.704.465.960	5.653.199.169
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.13	5.430.958.773	4.992.212.749
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT MOBIFONE

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà TTC, số 19 phố Duy Tân, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		188.436.145.526	190.423.724.802
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.14	188.436.145.526	190.423.724.802
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		70.629.790.000	70.629.790.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		70.629.790.000	70.629.790.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		81.836.222.502	81.836.222.502
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		35.970.133.024	37.957.712.300
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		14.451.975.389	37.957.712.300
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		21.518.157.635	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		281.182.887.370	293.656.243.610

Lập, ngày 03 tháng 3 năm 2023

Người lập biểu



Đỗ Thị Thanh Thủy

Kế toán trưởng



Nguyễn Anh Tú

Tổng Giám đốc



Vũ Quang Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT MOBIFONE

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà TTC, số 19 phố Duy Tân, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	413.248.440.927	459.100.383.911
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		413.248.440.927	459.100.383.911
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	375.432.942.924	413.710.254.490
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		37.815.498.003	45.390.129.421
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	5.838.374.143	4.492.910.235
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	664.789.075	764.969.060
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	724.134.012	621.655.336
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	15.000.541.092	15.312.016.332
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		27.264.407.967	33.184.398.928
11. Thu nhập khác	31		98.933.438	1.044.858.469
12. Chi phí khác	32		319.106.096	95.382.946
13. Lợi nhuận khác	40		(220.172.658)	949.475.523
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		27.044.235.309	34.133.874.451
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.10	5.526.077.674	6.670.971.394
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>21.518.157.635</u>	<u>27.462.903.057</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	<u>2.390</u>	<u>3.060</u>
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.7	<u>2.390</u>	<u>3.060</u>

Người lập biểu

Đỗ Thị Thanh Thủy

Kế toán trưởng

Nguyễn Anh Tú

Lập, ngày 03 tháng 3 năm 2023

Tổng Giám đốc

Vũ Quang Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT MOBIFONE

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà TTC, số 19 phố Duy Tân, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết		Năm nay	Năm trước
	số	minh		
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		27.044.235.309	34.133.874.451
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.7	1.087.595.421	180.999.477
- Các khoản dự phòng	03		-	(616.201.057)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4	8.413.651	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(5.685.756.584)	(4.402.018.531)
- Chi phí lãi vay	06		-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		22.454.487.797	29.296.654.340
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		15.070.603.401	15.365.304.487
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(501.091.735)	4.094.555.373
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(12.811.159.176)	(8.070.918.238)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		550.797.975	1.066.865.450
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.10	(4.813.700.543)	(9.417.752.477)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.13	(5.055.024.587)	(7.518.473.695)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		14.894.913.132	24.816.235.240
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.7	(2.283.378.787)	(2.907.054.545)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(78.500.000.000)	(76.500.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		56.500.000.000	1.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5.085.506.732	3.258.180.185
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(19.197.872.055)	(75.148.874.360)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT MOBIFONE

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà TTC, số 19 phố Duy Tân, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay		Năm trước	
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính					
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-		-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-		-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-		-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-		-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-		-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.14	(16.838.643.875)	(16.821.673.375)	
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(16.838.643.875)</i>	<i>(16.821.673.375)</i>	
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(21.141.602.798)	(67.154.312.495)	
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	44.136.622.528	111.290.935.023	
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(4.849.597)		-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	22.990.170.133	44.136.622.528	

Người lập biểu

Đỗ Thị Thanh Thủy

Kế toán trưởng

Nguyễn Anh Tú

Lập, ngày 03 tháng 3 năm 2023

Tổng Giám đốc



Vũ Quang Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT MOBIFONE

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà TTC, số 19 phố Duy Tân, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật MobiFone (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Dịch vụ giải đáp, chăm sóc khách hàng qua điện thoại;
- Bảo dưỡng thiết bị truyền dẫn mạng viễn thông; Sửa chữa bảo dưỡng hệ thống báo cháy, phòng chữa cháy tự động, các hệ thống cảnh báo, giám sát điều khiển; Bảo dưỡng các thiết bị viễn thông, công nghệ thông tin;
- Dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng; Đo kiểm trong lĩnh vực viễn thông bao gồm: công trình kỹ thuật chuyên ngành viễn thông, dịch vụ viễn thông, sản phẩm viễn thông, công nghệ thông tin, Internet; Dịch vụ tư vấn đo kiểm mạng thông tin di động;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh MobiFone Service Hải Phòng	Tầng 7, tòa nhà điều hành MobiFone, số 87 Phạm Văn Đồng, phường Anh Dũng, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng.
Chi nhánh MobiFone Service Đà Nẵng	Tầng 3 - Lô 6 đường số 1 KCN Đà Nẵng, phường An Hải Bắc, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.
Chi nhánh MobiFone Service Tp Hồ Chí Minh	Tầng 1, tòa nhà Mộc Gia, 1/12 Hoàng Việt, phường 4, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.
Chi nhánh MobiFone Service Hà Nội	Tầng 16 (tháp B) tòa nhà CTM Complex, số 139 Cầu Giấy, phường Quan Hoa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.
Chi nhánh MobiFone Service Cần Thơ	Lầu 2, tòa nhà nhà sách Phương Nam, số 06 Hòa Bình, phường An Cư, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.
Chi nhánh MobiFone Service Đồng Nai	Tầng 1, tòa nhà Mộc Gia, 1/12 Hoàng Việt, phường 4, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.
Chi nhánh Dịch vụ giá trị gia tăng (VAS)	Tầng 7, tòa nhà IC, số 82 phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT MOBIFONE

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà TTC, số 19 phố Duy Tân, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có 2.307 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 2.183 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT MOBIFONE

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà TTC, số 19 phố Duy Tân, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Quân đội (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Quân đội (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty chỉ bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT MOBIFONE

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà TTC, số 19 phố Duy Tân, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí thuê văn phòng, nhà trạm và công cụ dụng cụ. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí thuê văn phòng, nhà trạm

Chi phí thuê văn phòng, nhà trạm thể hiện khoản tiền thuê đã trả trước cho thời gian Công ty thuê. Chi phí thuê văn phòng, nhà trạm trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (03 tháng).

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 24 tháng.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT MOBIFONE

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà TTC, số 19 phố Duy Tân, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	07
Máy móc và thiết bị	02-06
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	02-06

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Chương trình phần mềm máy tính. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

11. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT MOBIFONE

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà TTC, số 19 phố Duy Tân, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

14. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT MOBIFONE

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà TTC, số 19 phố Duy Tân, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

17. Báo cáo theo bộ phận

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là cung cấp các dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi, dịch vụ cho thuê nhà trạm, dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng trên mạng di động và một số dịch vụ, hàng hóa khác. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về dịch vụ mà Công ty cung cấp hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý, và Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	109.447.492	146.812.244
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	22.880.722.641	36.989.810.284
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)	-	7.000.000.000
Cộng	<u>22.990.170.133</u>	<u>44.136.622.528</u>

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 06 tháng đến 13 tháng với lãi suất từ 4,7%/năm đến 10,1%/năm, thời gian đáo hạn còn lại dưới 12 tháng, có giá trị ghi sổ bằng giá gốc.

Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn tại ngày kết thúc năm tài chính bao gồm khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hà Nội, Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Sở giao dịch và Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Hà Nội với tổng số tiền là 36.284.455.741 VND (số đầu năm là 7.996.370.395 VND) được cầm cố để bảo lãnh cho các hợp đồng cung cấp dịch vụ của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT MOBIFONE

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà TTC, số 19 phố Duy Tân, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>77.853.960.110</i>	<i>109.597.154.004</i>
Tổng Công ty Viễn thông MobiFone	77.602.824.110	109.597.154.004
Công ty Cổ phần Viễn thông và Giải pháp Công nghệ Việt Nam	163.836.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Gia tăng MobiFone	87.300.000	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>4.121.371.405</i>	<i>10.694.256.622</i>
Các khách hàng khác	4.121.371.405	10.694.256.622
Cộng	<u>81.975.331.515</u>	<u>120.291.410.626</u>

4. Phải thu khác**4a. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>16.827.512.260</i>	<i>-</i>	<i>8.576.693.362</i>	<i>-</i>
Tổng Công ty Viễn thông MobiFone - Doanh thu tạm tính	15.158.186.327	-	6.376.489.686	-
Tổng Công ty Viễn thông MobiFone - Ký cược, ký quỹ	1.669.325.933	-	1.505.645.676	-
Phải thu tiền lương theo CV 246/HĐTV-TCCB ngày 9/12/2021	-	-	694.558.000	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>19.650.492.832</i>	<i>-</i>	<i>4.083.375.499</i>	<i>-</i>
Doanh thu tạm tính	1.687.949.620	-	1.863.086.329	-
Tạm ứng ⁽ⁱ⁾	8.156.974.324	-	464.419.585	-
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	2.166.288.272	-	1.566.038.420	-
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Tiền ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng ⁽ⁱⁱ⁾	6.105.891.477	-	-	-
Ký cược, ký quỹ	3.500.000	-	-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.529.889.139	-	189.831.165	-
Cộng	<u>36.478.005.092</u>	<u>-</u>	<u>12.660.068.861</u>	<u>-</u>

(i) Số dư tạm ứng cuối kỳ bao gồm các khoản tạm ứng nhiên liệu và tạm ứng công tác nghiệm thu Vận hành khai thác và ứng cứu thông tin phát sinh chưa được hoàn ứng.

(ii) Khoản ký quỹ Ngân hàng để phát hành thư bảo lãnh tạm ứng cho các hợp đồng “Thuê dịch vụ Vận hành khai thác và ứng cứu thông tin mạng viễn thông tại các tỉnh thuộc Trung tâm mạng lưới MobiFone miền Bắc năm 2022” theo các hợp đồng số 04-07/2022/HĐDV/MLMB-MFS ký ngày 31/12/2021 với chủ đầu tư là Trung tâm mạng lưới miền Bắc – Chi nhánh Tổng công ty Viễn thông MobiFone, thời gian thực hiện hợp đồng từ ngày 01/01/2022 đến hết ngày 31/12/2022. Bảo lãnh có hiệu lực đến ngày 31/12/2022 hoặc khi Chủ đầu tư thu hồi hết số tiền tạm ứng, tùy theo ngày nào đến sớm hơn. Khoản bảo lãnh này được thu hồi vào ngày 03/01/2023.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT MOBIFONE

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà TTC, số 19 phố Duy Tân, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**4b. Phải thu dài hạn khác**

Là các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn.

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tổng Công ty Viễn thông MobiFone – Bên liên quan	887.820.000	-	829.546.554	-
Các tổ chức và cá nhân khác	2.204.810.539	-	2.440.915.539	-
Cộng	3.092.630.539	-	3.270.462.093	-

5. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.188.046.032	-	-	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	-	406.620.870	-
Hàng hóa	709.853.906	-	990.187.333	-
Cộng	1.897.899.938	-	1.396.808.203	-

6. Chi phí trả trước**6a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Gói tin nhắn quảng cáo và datacode	585.454.545	966.487.909
Chi phí thuê văn phòng	560.700.672	865.848.470
Chi phí thuê nhà trạm	121.051.412	91.122.830
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	138.892.392	303.754.837
Cộng	1.406.099.021	2.227.214.046

6b. Chi phí trả trước dài hạn

Là chi phí công cụ, dụng cụ.

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	29.750.708.203	230.280.630.165	1.124.796.364	4.777.396.918	265.933.531.650
Mua trong năm	-	1.651.515.151	631.863.636	-	2.283.378.787
Số cuối năm	29.750.708.203	231.932.145.316	1.756.660.000	4.777.396.918	268.216.910.437
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	29.750.708.203	227.373.575.620	1.124.796.364	4.777.396.918	263.026.477.105
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	29.750.708.203	227.392.908.831	1.124.796.364	4.777.396.918	263.045.810.316
Khấu hao trong năm	-	1.060.975.240	26.620.181	-	1.087.595.421
Số cuối năm	29.750.708.203	228.453.884.071	1.151.416.545	4.777.396.918	264.133.405.737

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT MOBIFONE

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà TTC, số 19 phố Duy Tân, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	-	2.887.721.334	-	-	2.887.721.334
Số cuối năm	-	3.478.261.245	605.243.455	-	4.083.504.700
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

8. Tài sản cố định vô hình

Là phần mềm quản lý nhân sự đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng.

9. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	371.790.717	35.332.025
Tổng Công ty Viễn thông MobiFone	31.067.133	35.332.025
Chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh Công ty Cổ phần Công nghệ MobiFone Toàn Cầu (TP Hà Nội)	340.723.584	-
Phải trả các nhà cung cấp khác	27.975.442.163	43.948.119.358
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển TGI Hà Nội	10.595.800	7.479.639.625
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Công nghệ và Thương mại DTC	3.430.288.055	2.328.049.626
Các nhà cung cấp khác	24.534.558.308	34.140.430.107
Cộng	28.347.232.880	43.983.451.383

10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	4.369.081.261	23.553.440.216	(25.156.564.409)	2.765.957.068
Thuế thu nhập doanh nghiệp	613.700.543	5.526.077.674	(4.813.700.543)	1.326.077.674
Thuế thu nhập cá nhân	213.973.570	1.468.794.211	(1.424.939.256)	257.828.525
Thuế môn bài	-	9.000.000	(9.000.000)	-
Thuế nhà thầu	137.470.732	806.764.130	(944.234.862)	-
Cộng	5.334.226.106	31.364.076.231	(32.348.439.070)	4.349.863.267

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với mức thuế suất như sau:

- Doanh thu lệ phí sân bay	Không chịu thuế
- Doanh thu bán vé máy bay quốc tế	0%
- Doanh thu dịch vụ giá trị gia tăng, chăm sóc khách hàng, cho thuê cơ sở hạ tầng	8%-10%
- Các loại doanh thu khác	8%-10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (cùng kỳ năm trước thuế suất là 20%).

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT MOBIFONE

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà TTC, số 19 phố Duy Tân, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	27.044.235.309	34.133.874.451
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	586.153.062	(2.940.371.737)
- Các khoản điều chỉnh tăng	586.153.062	330.531.345
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	3.270.903.082
Thu nhập tính thuế	27.630.388.371	31.193.502.714
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	5.526.077.674	6.238.700.543
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước		432.270.851
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	5.526.077.674	6.670.971.394

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

11. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	3.294.887.535	1.095.140.604
Tổng Công ty Viễn thông MobiFone - Chi phí dịch vụ Fast Credit, văn phòng điện tử E-Office	3.294.887.535	1.095.140.604
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	15.078.384.591	11.639.939.922
Chi phí giải thưởng chương trình khuyến mại	93.650.000	100.630.000
Phí dịch vụ nội dung và kỹ thuật	14.528.143.351	9.430.318.364
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	456.591.240	2.108.991.558
Cộng	18.373.272.126	12.735.080.526

12. Phải trả khác ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	-	432.000.000
Thù lao HĐQT và BKS	-	432.000.000
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	4.704.465.960	5.221.199.169
Kinh phí công đoàn	897.605.757	828.053.730
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	1.748.748	34.065.094
Quỹ dự phòng Covid	-	46.907.955
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	245.000.000	364.246.000
Cổ tức phải trả	2.730.715.950	1.911.912.325
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	829.395.505	2.036.014.065
Cộng	4.704.465.960	5.653.199.169

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT MOBIFONE

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà TTC, số 19 phố Duy Tân, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	Cộng
Số đầu năm	4.691.872.822	300.339.927	4.992.212.749
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	5.492.580.611	-	5.492.580.611
Tăng do nhận tiền thưởng	1.190.000	-	1.190.000
Chi quỹ trong năm	(5.055.024.587)	-	(5.055.024.587)
Số cuối năm	5.130.618.846	300.339.927	5.430.958.773

14. Vốn chủ sở hữu**14a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	70.629.790.000	75.679.382.860	40.897.936.027	187.207.108.887
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	27.462.903.057	27.462.903.057
Trích lập các quỹ	-	6.156.839.642	(12.313.679.284)	(6.156.839.642)
Trích thù lao HĐQT và BKS	-	-	(432.000.000)	(432.000.000)
Chia cổ tức	-	-	(17.657.447.500)	(17.657.447.500)
Số dư cuối năm trước	70.629.790.000	81.836.222.502	37.957.712.300	190.423.724.802
Số dư đầu năm nay	70.629.790.000	81.836.222.502	37.957.712.300	190.423.724.802
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	21.518.157.635	21.518.157.635
Trích lập các quỹ	-	-	(5.492.580.611)	(5.492.580.611)
Trích thù lao HĐQT và BKS	-	-	(355.708.800)	(355.708.800)
Chia cổ tức	-	-	(17.657.447.500)	(17.657.447.500)
Số dư cuối năm nay	70.629.790.000	81.836.222.502	35.970.133.024	188.436.145.526

14b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổng Công ty Viễn thông MobiFone	22.080.000.000	22.080.000.000
Các cổ đông khác	48.549.790.000	48.549.790.000
Cộng	70.629.790.000	70.629.790.000

14c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.062.979	7.062.979
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	7.062.979	7.062.979
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	7.062.979	7.062.979

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

14d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2022 số 01/NQ-ĐHĐCĐ/2022/MFS ngày 28 tháng 06 năm 2022 như sau:

	VND
• Chia cổ tức (25% vốn góp của Chủ sở hữu) cho các cổ đông	: 17.657.447.500
• Trích thù lao HĐQT và BKS	: 355.708.800
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (20% LNST)	: 5.492.580.611

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT MOBIFONE

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà TTC, số 19 phố Duy Tân, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	1.768.818.186	38.522.707.237
Doanh thu cung cấp dịch vụ	411.400.250.816	420.483.520.559
Doanh thu khác	79.371.925	94.156.115
Cộng	<u>413.248.440.927</u>	<u>459.100.383.911</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng Công ty Viễn thông MobiFone		
Bán hàng hóa	-	22.936.975.579
Cung cấp dịch vụ	377.283.930.295	374.494.277.678
Tiền điện thu hộ trả hộ	79.371.925	94.156.115
Công ty Cổ phần Viễn thông và Giải pháp Công nghệ Việt Nam		
Cung cấp dịch vụ	151.700.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Gia tăng MobiFone		
Cung cấp dịch vụ	147.937.410	38.768.190

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.762.180.067	38.117.403.938
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	373.591.390.932	375.498.694.437
Giá vốn khác	79.371.925	94.156.115
Cộng	<u>375.432.942.924</u>	<u>413.710.254.490</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	5.685.756.584	4.402.018.531
Lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	27.820.250	29.635.941
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	124.797.309	61.255.763
Cộng	<u>5.838.374.143</u>	<u>4.492.910.235</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	77.482.612	2.129.278
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	8.413.651	-
Chi phí tài chính khác	578.892.812	762.839.782
Cộng	<u>664.789.075</u>	<u>764.969.060</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT MOBIFONE

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà TTC, số 19 phố Duy Tân, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**5. Chi phí bán hàng**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	356.202.046	178.180.000
Các chi phí khác	367.931.966	443.475.336
Cộng	<u>724.134.012</u>	<u>621.655.336</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	9.977.772.588	9.910.657.398
Chi phí đồ dùng văn phòng	97.166.017	116.991.030
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	9.333.343
Thuế, phí và lệ phí	9.000.000	9.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.591.618.552	5.181.166.721
Các chi phí khác	324.983.935	84.867.840
Cộng	<u>15.000.541.092</u>	<u>15.312.016.332</u>

7. Lãi trên cổ phiếu**7a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	<u>Năm nay (ii)</u>	<u>Năm trước (i)</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	21.518.157.635	27.462.903.057
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(4.303.631.527)	(5.492.580.611)
Trích thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	(332.640.000)	(355.708.800)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	16.881.886.108	21.614.613.646
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	7.062.979	7.062.979
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	<u>2.390</u>	<u>3.060</u>

(i) Lãi cơ bản trên cổ phiếu kỳ trước được tính toán lại, tăng từ 3.049 VND lên 3.060 VND, do xác định lại số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng Ban điều hành theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2022 số 01/NQ-ĐHĐCĐ/2022/MFS ngày 28 tháng 06 năm 2022.

(ii) Để phục vụ mục đích trình bày chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm nay, quỹ khen thưởng, phúc lợi được tạm tính theo tỷ lệ 20% lợi nhuận sau thuế kỳ này và thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được tạm tính theo tỷ lệ hoàn thành kế hoạch được ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 thông qua.

7b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT MOBIFONE

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà TTC, số 19 phố Duy Tân, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.000.689.326	1.006.357.671
Chi phí nhân công ⁽ⁱ⁾	242.693.483.152	226.577.072.931
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.087.595.421	180.999.477
Chi phí dịch vụ mua ngoài ⁽ⁱⁱ⁾	106.893.444.730	126.047.361.244
Chi phí khác	37.313.604.462	38.121.351.767
Cộng	<u>388.988.817.091</u>	<u>391.933.143.090</u>

(i) Chi phí nhân công năm nay tăng do tăng số lượng nhân viên khối dịch vụ hỗ trợ nghiệp vụ và ứng cứu thông tin.

(ii) Chi phí dịch vụ mua ngoài năm nay giảm mạnh do ngừng sử dụng dịch vụ BulkSMS từ Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội và giảm chi phí mua ngoài cho dịch vụ SMS brandname.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, các thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.4a.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT MOBIFONE

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà TTC, số 19 phố Duy Tân, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Tiền lương	Thưởng	Thù lao	Cộng thu nhập
Năm nay				
Ông Trương Duy Phúc - Chủ tịch HĐQT	437.649.163	58.800.000	69.165.600	565.614.763
Ông Vũ Quang Hải - Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	423.049.589	58.800.000	49.404.000	531.253.589
Ông Phan Tiến Dũng - Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	422.659.292	58.800.000	49.404.000	530.863.292
Ông Nguyễn Ngọc Thảo - Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc (từ 1/3/2022)	349.123.415	47.600.000	-	396.723.415
Ông Trần Minh Đức - Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc (đến 1/3/2022)	70.456.000	-	49.404.000	119.860.000
Ông Phan Tuấn Anh - Thành viên HĐQT (đến 17/2/2022)	-	-	49.404.000	49.404.000
Ông Cao Thành Chung - Thành viên BKS	-	-	29.642.400	29.642.400
Ông Nguyễn Văn Chiến - Thành viên BKS	-	-	29.642.400	29.642.400
Ông Lê Đức Mạnh - Thành viên BKS	-	-	29.642.400	29.642.400
Ông Nguyễn Anh Tú - Kế toán trưởng	365.564.901	57.200.000	-	422.764.901
Cộng	2.068.502.360	281.200.000	355.708.800	2.705.411.160
Năm trước (*)				
Ông Trương Duy Phúc - Chủ tịch HĐQT	605.569.099	132.900.000	84.000.000	822.469.099
Ông Vũ Quang Hải - Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	578.687.680	107.900.000	60.000.000	746.587.680
Ông Phan Tiến Dũng - Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	485.143.265	91.900.000	60.000.000	637.043.265
Ông Trần Minh Đức - Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	483.000.956	89.900.000	60.000.000	632.900.956
Ông Phan Tuấn Anh - Thành viên HĐQT	-	-	60.000.000	60.000.000
Ông Cao Thành Chung - Thành viên BKS	-	-	36.000.000	36.000.000
Ông Nguyễn Văn Chiến - Thành viên BKS	-	-	36.000.000	36.000.000
Ông Lê Đức Mạnh - Thành viên BKS	-	-	18.000.000	18.000.000
Bà Phạm Thị Thu Hằng - Thành viên BKS	-	-	18.000.000	18.000.000
Ông Nguyễn Anh Tú - Kế toán trưởng	401.135.659	77.900.000	-	479.035.659
Cộng	2.553.536.659	500.500.000	432.000.000	3.486.036.659

(*) Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong kỳ trước được trình bày lại do áp dụng Công văn 246/HĐTV-TCCB ngày 9/12/2021 của Tổng Công ty Viễn thông MobiFone quy định mức lương tối đa của thành viên quản lý (Xem thuyết minh V.4a).

(**) Thu nhập của thành viên quản lý chủ chốt năm nay biến động so với năm trước do thay đổi giảm mức lương chức danh.

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Tổng Công ty Viễn thông MobiFone	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Viễn thông và Giải pháp Công nghệ Việt Nam	Công ty cùng Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Công nghệ MobiFone Toàn Cầu	Công ty cùng Tổng Công ty

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT MOBIFONE

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà TTC, số 19 phố Duy Tân, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bên liên quan khác

Mối quan hệ

Chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh Công ty Cổ phần Công nghệ Công ty cùng Tổng Công ty
MobiFone Toàn Cầu (TP Hà Nội)
Công ty Cổ phần Dịch vụ Gia tăng MobiFone Công ty cùng Tổng Công ty
Ông Nguyễn Duy Hưng Cổ đông lớn

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng Công ty Viễn thông MobiFone		
Chia cổ tức	5.520.000.000	5.520.000.000
Mua hàng hóa	105.485.399	116.590.763
Sử dụng dịch vụ	8.985.188.181	5.271.704.308
Công ty Cổ phần Công nghệ MobiFone Toàn Cầu		
Sử dụng dịch vụ	105.600.000	123.200.000
Chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh Công ty Cổ phần Công nghệ MobiFone Toàn Cầu (TP Hà Nội)		
Sử dụng dịch vụ	315.484.800	-

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.9, V.11 và V.12.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

2. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Lập, ngày 03 tháng 3 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Đỗ Thị Thanh Thủy

Nguyễn Anh Tú

Vũ Quang Hải